TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Tính;

2. Ông Nguyễn Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Bảo H - sinh năm 1998

Địa chỉ: Số nhà 02/29 phố X, phường V, thành phố T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T - sinh năm 2001

Địa chỉ: Số nhà 01/17 ngõ Đ, phường S, thành phố T, tỉnh T.

Tại phiên tòa có mặt anh H, vắng mặt chị T (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Ngô Bảo H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc T có quan hệ tình cảm với nhau vào khoảng năm 2017 và có với nhau một người con chung. Sau đó anh chị đã tổ chức cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện tại UBND phường V, thành phố T, tỉnh T. Sau khi kết

hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà anh H ở địa chỉ 02/29 phố X, phường V, TP. T. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế dẫn đến việc vợ chồng bất đồng và thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh H và chị T có một con chung là cháu Ngô Anh T1, sinh ngày 22/11/2017. Ly hôn, anh có nguyện vọng giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ thời điểm có quyết định của Tòa án cho đến khi cháu T1 thành niên.

- Về tài sản, công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai chị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị thống nhất với anh H về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng. Anh H có đơn xin ly hôn đối với chị, chị T không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là Ngô Anh T1, sinh ngày 22/11/2017. Trong trường hợp ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ thời điểm có quyết định của Tòa án cho đến khi cháu T1 thành niên.

- Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa chị T đã thay đổi quan điểm và đồng ý ly hôn với anh H do tình cảm của vợ chồng thực sự không còn.

* Qua thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: Quá trình chung sống tại địa phương giữa anh H và chị T có xảy ra mâu thuẫn. Nay anh H có đơn xin ly hôn đối với chị T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T. Tuy nhiên chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành thủ tục tống đạt theo quy định nhưng tại phiên tòa hôm nay đã có đơn xin vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn. Anh

H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn và bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố T. Việc Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn, tuy nhiên bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt chị T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế dẫn đến việc vợ chồng bất đồng và thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn với anh H. Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị T, do tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng khó hàn gắn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật HN&GĐ xử cho anh H được ly hôn với chị T là phù hợp pháp luật.

Về con chung: Anh H và chị T có một con chung là cháu Ngô Anh T1, sinh ngày 22/11/2017. Ly hôn, giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi cháu T1 thành niên.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, Bộ luật Tố

tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Về hôn nhân: Xử cho anh Ngô Bảo H được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc T

Về con chung: Anh H và chị T có một con chung là cháu Ngô Anh T1, sinh ngày 22/11/2017. Ly hôn, giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi cháu Thư thành niên.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002425 ngày 26/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, anh H phải nộp thêm 300.000 đồng.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND phường V, TP. T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh